TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256 /2019/ HNGĐ - ST
Ngày: 15/11/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn K
- Hội thẩm nhân dân: +. Ông: Hoàng Văn H
+. Ông: Nguyễn Văn Đ
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Nguyên N - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/09/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 09, xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990. Vắng mặt không có lý do.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 09, xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 12, xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/09/2019, tại bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2015 tại UBND xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc bình thường cho đến khi sinh con thứ 2 là cháu Cẩm T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh T sa đà vào tệ nạn lô đề và có hành vi bạo hành vợ con. Mặc dù chị N nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T, không yêu cầu đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 23/06/2016 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 09/03/2018, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, nhiều thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không phản hồi các thông báo của Tòa án, tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó tại hồ sơ vụ án không có bản tự khai của anh Nguyễn Văn T, vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị Nguyễn Thị N đã có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chấp hành không nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 23/06/2016 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 09/03/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Tách quan hệ tài sản chung và nợ chung ra giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình do chị Nguyễn Thị N yêu cầu, nơi cư trú của anh Nguyễn Văn T tại xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ 02 lần cho chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T theo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2015 tại UBND xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến khi sinh con thứ 2 là cháu Cẩm T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh T sa đà vào tệ nạn lô đề và có hành vi bạo hành vợ con. Mặc dù chị N nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Tràng Sơn, chị N, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân cụ thể UBND xã không nắm bắt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt không có lý do, không chấp hành thông báo làm việc, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng

hợp lệ, điều này chứng tỏ anh T không có ý thức níu kéo hạnh phúc gia đình. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử để sớm ổn định cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống cho cả hai.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 23/06/2016 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 09/03/2018, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không có mặt tại Tòa án làm việc, không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về vấn đề con chung, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao con chung là các cháu Mỹ D và Cẩm T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội.

- Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T không hợp tác với Tòa án nên không có văn bản thể hiện ý chí về việc giải quyết vấn đề tài sản chung và khoản nợ. Do đó, cần tách quan hệ tài sản chung và khoản nợ không giải quyết trong vụ án này mà giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ các điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban Th□ờng vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 23/06/2016 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 09/03/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực

tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai đ□ợc cản trở.

Vì lợi ích của con chung các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định

3. Về quan hệ tài sản chung và khoản nợ: Tách quan hệ tài sản chung và khoản nợ không giải quyết trong vụ án này mà giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ các điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo biên lai số 0005492 ngày 06/09/2019. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Đô Lương;
- Chi cục T.H.A dân sự H. Đô Lương;
- UBND xã Tràng Sơn, H. Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn K